TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày 29/9/2020
"V/v *Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nhỏ.

2. Ông Lê Đình Quang.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Y H Lam.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2018/TLST-DS ngày 20/12/2018 về việc " Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1974 và bà Lê Thị L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1947 và bà Trần Thị U, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2018, bản tự khai ngày 21/12/2018, bản tự khai ngày 10/3/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L trình bày: Vào ngày 30/6/2018 gia đình ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U đốt cháy đậu đen của ông N, bà L. Ông N, bà L đã báo cáo với chính quyền địa phương đến xem xét hiện trạng và yêu cầu gia đình ông H phải bồi thường số hoa màu thiệt hại cho gia đình ông N, bà L. Khi chính quyền địa phương đến đã xác định ông H và bà U đã đốt cháy tổng cộng 162 bụi cây đậu đen đang ra hoa, diện tích khoảng 100m2 nên ông N và bà L yêu cầu vợ chồng ông H, bà U phải bồi

thường trị giá số hoa màu bị thiệt hại nói trên là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Tại phiên hòa giải ngày 09/9/2020 bà L yêu cầu gia đình ông H phải bồi thường trị giá 162 bụi đậu đen bị thiệt hại (mỗi bụi 3 đến 4 cây) là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng ông H và bà U không đồng ý nên phiên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa ông Phạm Văn N bà Lê Thị L cho rằng bà U vợ ông H cố tình phá hoại hoa màu của gia đình ông N, bà L chứ không phải lỡ làm cháy nên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U phải bồi thường số đậu đen bị thiệt hại trị giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Ngoài ra ông N, bà L không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai ngày 16/01/2019, bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U trình bày: Ông H, bà U có thửa đất giáp biên với đất nhà ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L. Diện tích đất này do vợ chồng ông bà khai hoang và sử dụng từ năm 1982 đến nay. Nguồn gốc đất của ông N, bà L là sang nhượng lại của ông Huỳnh Công H1. Từ ngày nhà bà L và ông N mua lại thửa dất đó thường xuyên lấn đất của gia đình ông H. Gia đình ông H đã báo cáo tình trạng bị lấn đất với xóm 5 và tổ dân phố, thị trấn Đ nhưng đều hòa giải không thành công. Ông H, bà U thừa nhận có đốt rác mía làm cháy đậu đen của gia đình ông N nhưng vì số đậu đen này ông N, bà L trồng trên đất của ông H, bà U nên ông bà không đồng ý bồi thường. Ông H, bà U đề nghị ông H1 chủ đất cũ đã bán cho ông N, bà L chỉ rõ ranh giới của hai bên để cắm mốc rõ ràng, nếu sai ông bà sẽ chịu trách nhiệm bồi thường. Tại phiên hòa giải ngày 09/9/2020 bà L yêu cầu ông H và bà U bồi thường số đậu đen bị cháy là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng ông H và bà U chỉ đồng ý bồi thường trị giá số đậu đen bị thiệt hại là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nên hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ông H và bà U yêu cầu Tòa án xác định thiệt hại và bồi thường theo quy định của pháp luật chứ không đồng ý bồi thường 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) như yêu cầu của ông N, bà L. Mặc dù bà U là người trực tiếp đốt rác mía gây thiệt hại cho gia đình ông N, ông H không đốt nhưng vì giữa ông H và bà U là vợ chồng nên ông H tự nguyện cùng chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại với bà U.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 11/3/2019 và ngày 09/9/2020, các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: 01 biên bản hòa giải ngày 16/8/2018 (bản gốc); 01 sơ đồ thửa đất tranh chấp lập ngày 30/7/2018 (bản gốc); 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn N (bản sao có chứng thực); 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị L (bản sao có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 724114 do UBND huyện Đ cấp ngày 30/7/2008 mang tên Phạm Văn N (bản sao có chứng thực); 02 Bản tự khai ngày 21/12/2018 và ngày 10/3/2020. Các

tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp gồm: 01 bản tự khai ngày 16/01/2019; 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh H (bản sao có chứng thực); 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị U (bản sao có chứng thực); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 589315 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 09/11/2001 cho hộ bà Trần Thị U.

Các tài liệu do Tòa án thu thập gồm: 01 biên bản xác minh ngày 04/02/2020; Công văn số 77/TCKH ngày 18/3/2020 của Phòng Tài chính kế hoạch huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Công văn số 116/NNPTNT ngày 18/6/2020 của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ, tỉnh Gia Lai; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Huỳnh Công H1 (bản sao); 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/11/2007 (Bản sao); 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 724144 mang tên hộ ông Phạm Văn N (Bản sao); 03 biên bản xác minh ngày 21/9/2020.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án những người tiến Hnh tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 587; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về nội dung của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L. Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm là 60m^2 x 3.633đ = 217.998 đ (Hai trăm mười bảy nghìn chín trăm chín mươi tám đồng)

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự đối với số tiền không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai nên ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết việc ông H, bà U phải bồi thường thiệt hại do hoa màu bị xâm phạm. Theo quy

định tại khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/6/2018 ông N bà L phát hiện hộ ông H đốt rác cháy đậu đen, ngày 27/9/2018 làm đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 588 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Xét về nội dung vụ án: Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa và các chứng cứ do các đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận:

Hộ ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L có thửa đất nông nghiệp giáp biên đất hộ ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U. Ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L cho rằng vào ngày 30/6/2018 gia đình ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U đốt cháy đậu đen của ông N, bà L. Ông N, bà L đã báo cáo với chính quyền địa phương đến xem xét hiện trạng và yêu cầu gia đình ông H phải bồi thường số hoa màu thiệt hại cho gia đình ông N, bà L. Còn hộ ông Nguyễn Thanh H cho rằng bà L và ông N thường xuyên lấn đất của gia đình ông H. Gia đình ông H đã báo cáo tình trạng bị lấn đất với chính quyền địa phương nhưng chưa được giải quyết. Ông H, bà U thừa nhận có đốt rác mía làm cháy đậu đen của gia đình ông N nhưng vì số đậu đen này ông N, bà L trồng trên đất của ông H, bà U nên ông bà không đồng ý bồi thường.

Việc gia đình ông N, bà L trồng cây đậu đen bị bà U vợ ông H đốt rác mía làm cháy là có lỗi nên bà U phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do bà U và ông H là vợ chồng nên ông H tự nguyện nhận trách nhiệm bồi thường cùng bà U. Vì vậy yêu cầu của ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L là có cơ sở để xem xét và chấp nhận.

Tuy nhiên cần xem xét về mức bồi thường thiệt hại: Ông N và bà L cho rằng 162 bụi đậu đen bị cháy diện tích khoảng 100m^2 và yêu cầu ông H, bà U phải bồi thường 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Ông H và bà U không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản xác minh Tòa án thu thập được thì khi xảy ra tranh chấp chính quyền địa phương chỉ đếm số cây đậu đen bị thiệt hại chứ không đo đạc diện tích, khoảng cách cây cách cây 40cm - 40cm, ước lượng khoảng 50- 60m^2. Trong các bản khai và tại phiên tòa ông N, bà L trình bày đã trồng đậu đen cây cách cây 40cm x 40cm, Hàng cách Hàng 70cm. Như vậy diện tích 162 cây đậu đen bị thiệt hại là 45,36m2. Áp giá đền bù theo mức giá của phòng Tài chính kế hoạch huyện Đ cung cấp 3.633đ/m^2 là 164.792đ (Một trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng), cần buộc ông H và bà U phải bồi thường cho ông N và bà L số tiền trên.

3. Xét về án phí: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U phải có nghĩa vụ L đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L phải L đới nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 584; Khoản 1 Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L là 164.792đ (Một trăm sáu mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị U phải có nghĩa vụ liên đới nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền phí dân sự sơ thẩm. Ông H và bà U chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Văn N và bà Lê Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004374 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Đ, Gia Lai. Ông N và bà L đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2020) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Yến Ngọc